

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 01-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-DS ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Đường P, phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Phan Minh Q, sinh năm 1994 – Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xanh E, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Tấn P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như

tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Phan Minh Q trình bày:

Ngày 25/01/2022, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G và bà Nguyễn Thị Xanh E có ký kết hợp đồng tín dụng số 00908908-0145788001T22083. Hai bên thống nhất Ngân hàng cho bà E vay số tiền 20.000.000 đồng. Mục đích vay chăn nuôi, hình thức cho vay là tín chấp (không có tài sản đảm bảo), thời hạn vay là 18 tháng, từ ngày 25/01/2022 đến ngày 25/7/2023. Lãi suất thỏa thuận là 10,2%/năm, trên dư nợ ban đầu, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 19,33%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tỷ lệ phí thanh lý trước hạn tối thiểu là 5%. Phương thức cho vay là cho vay từng lần (giải ngân 01 lần). Phương thức tính lãi được tính trên nợ gốc ban đầu (gốc và lãi chia đều cho 18 tháng). Tháng trả nợ gốc và lãi đầu tiên do hai bên thỏa thuận là ngày 10/02/2022 với số tiền mỗi tháng là 1.290.000 đồng, riêng tháng cuối cùng là 1.130.000 đồng. Bà E đã ký nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà E đã thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ, đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, từ kỳ trả nợ ngày 10/5/2023, bà E không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với bà E. Bà E cam kết thanh toán tiền nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận nhưng bà E không thực hiện. Tính đến ngày 08/12/2023, bà E còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 3.980.140 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.602.632 đồng, lãi trong hạn là 107.368 đồng và lãi quá hạn là 270.140 đồng. Việc bà E vay tiền, ông Trương Tấn P là chồng bà E có biết và ký tên người bảo lãnh, cam kết nếu bà E không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông sẽ trả nợ thay cho bà E cho đến khi trả hết nợ. Do bà E đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 25/01/2022 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà E có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ 3.980.140 đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trong hạn và lãi quá hạn từ ngày 09/12/2023 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi bà E trả hết nợ. Trường hợp bà E không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu ông Trương Tấn P thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bà E cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xanh E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tấn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Xanh E, ông Trương Tấn P cùng cư trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà Xanh E, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà Xanh E, ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Xanh E, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00908908-0145788001T22083 ngày 25/01/2022; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn; Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 25/01/2022 có căn cứ xác định bà E có giao kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng của Ngân hàng. Mục đích vay là để chăn nuôi, thời hạn vay là 18 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 10,2%/năm, tính trên dư nợ ban đầu. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả gốc và lãi đầu tiên hai bên thỏa thuận là ngày 10/02/2022 với số tiền mỗi tháng là 1.290.000 đồng, riêng tháng cuối là 1.130.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà E đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ nhưng đến kỳ trả nợ ngày 10/5/2023, bà E bắt đầu vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ quá hạn cho bà E, bà E cam kết trả nợ gốc lãi cho ngân hàng theo đúng như thỏa thuận nhưng bà E không thực hiện. Mặc khác, thời hạn cho vay theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã hết nhưng bà E không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà E có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/12/2023 là 3.980.140 đồng (trong đó tiền gốc là 3.602.632 đồng, lãi trong hạn là 107.368 đồng và lãi quá hạn là 270.140 đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà E còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 09/12/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Về trách nhiệm bảo lãnh: Bà E vay tiền nhằm mục đích chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Ông P là chồng bà E có biết và có ký tên người bảo lãnh cho khoản vay của bà E. Ông P cam kết nếu bà E không thực hiện đúng hoặc đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông sẽ trả nợ thay cho bà E cho đến khi trả hết nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông P có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên thay cho bà E khi bà E không trả được nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà E có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/12/2023 là 3.980.140 đồng. Bà E còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 09/12/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00908908-0145788001T22083 ngày 25/01/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Trường hợp bà E không trả được nợ thì ông P có trách nhiệm trả nợ thay cho bà E số tiền nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà E, ông P phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Xanh E.

Buộc bà Nguyễn Thị Xanh E có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/12/2023 là 3.980.140đ (Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 3.602.632đ (Ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng), lãi trong hạn là 107.368đ (Một trăm lẻ bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) và lãi quá hạn là 270.140đ (Hai trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Xanh E còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 09/12/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng cho vay trả góp số 00908908-0145788001T22083 ngày 25/01/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Xanh E không trả được nợ thì ông Trương Tấn P có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Xanh E số tiền nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xanh E, ông Trương Tấn P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002764 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang